

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm mạnh trước áp lực từ nhóm cổ phiếu chứng khoán và bất động sản với thanh khoản tăng cao

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

HBC, PNJ

[Cập nhật công ty]

VCB, PTB

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trading đã mở trong các nhịp hồi sớm

22/09/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,193.05	-1.62
VN30	1,197.69	-1.76
HĐTL VN30F1M	1,192.60	-2.33
HNXIndex	243.15	-3.46
HNX30	511.20	-4.99
UPCoM	90.76	-1.76
USD/VND	24,348	+0.19
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.60	+3
Lãi suất qua đêm (%)	0.19	+12
Dầu (WTI, \$)	90.30	+0.75
Vàng (LME, \$)	1,926.93	+0.36



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,193.05 (-1.62%)
KLGD (triệu CP) 1,317.4 (+52.7%)
GTGD (triệu US\$) 1,328.0 (+40.2%)

TTCK Việt Nam giảm điểm mạnh trước áp lực từ nhóm cổ phiếu chứng khoán và bất động sản với thanh khoản tăng cao. Khối ngoại bán ròng, tập trung tại VIC (-4.2%), MSN (-4.3%), FUESSVFL (-1.5%).

HNXIndex 243.15 (-3.46%)
KLGD (triệu CP) 174.5 (+55.6%)
GTGD (triệu US\$) 137.3 (+48.6%)

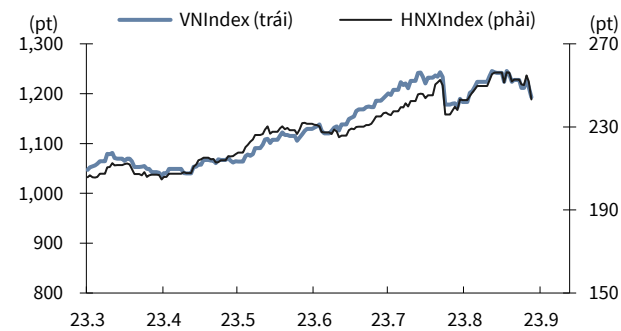
Ngày 22/9, thị trường thép nội địa tiếp đà đi ngang. Trong khi đó, trên sàn giao dịch Thượng Hải, thép cây giao kỳ hạn giao tháng 5/2024 giảm xuống mức 3,732 Nhân dân tệ/tấn. Cổ phiếu nhóm Thép giảm giá ở HSG (-6.91%), NKG (-6.92%).

UPCoM 90.76 (-1.76%)
KLGD (triệu CP) 103.1 (+33.2%)
GTGD (triệu US\$) 53.9 (+20.7%)

Giá dầu WTI chốt phiên lúc 5h45 sáng ngày 22/9/2023 (theo giờ Việt Nam) trên Sở Giao dịch hàng hoá Việt Nam là 90.28 USD/thùng, giảm 1.43% (tương đương giảm 1.31 USD). Cổ phiếu nhóm Dầu khí giảm giá ở OIL (-3.51%), PVD (-3.96%).

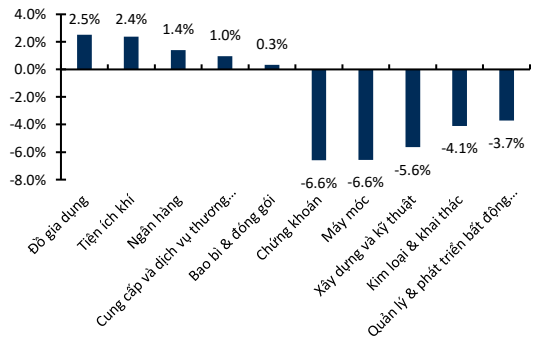
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -6.8

VNIndex & HNXIndex



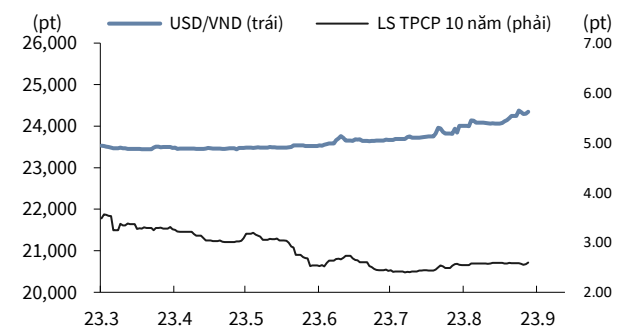
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

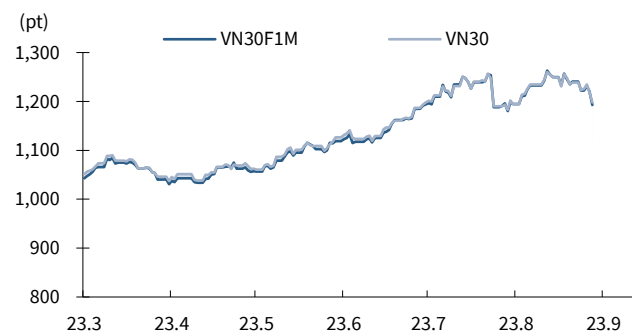
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,197.69 (-1.76%)
VN30F1M	1,192.6 (-2.33%)
Mở cửa	1,200.1
Cao nhất	1,202.0
Thấp nhất	1,176.2

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2310 và VN30 ghi nhận mức thấp nhất ở đầu phiên sáng tại -24.8 điểm, sau đó biến động quanh mức -3 điểm và đóng cửa tại -5.09 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

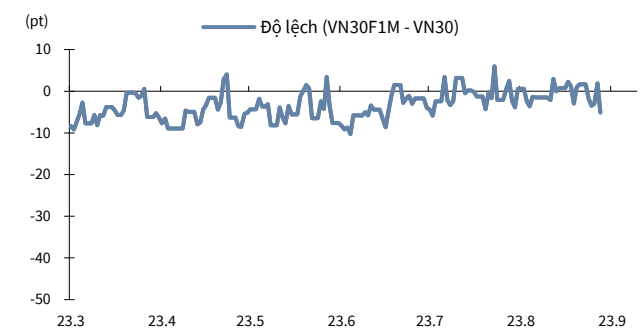
KLGD (HĐ)	325,395 (+61.8%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



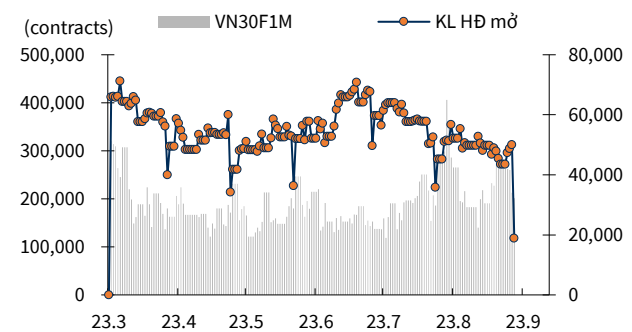
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



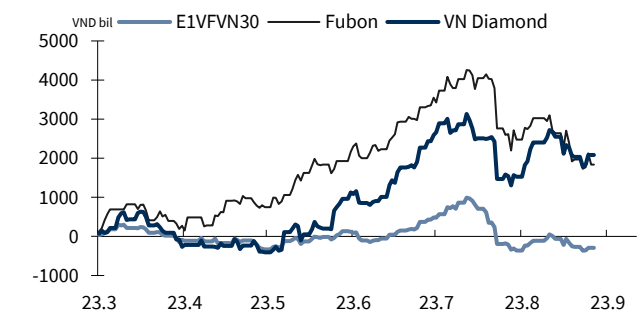
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

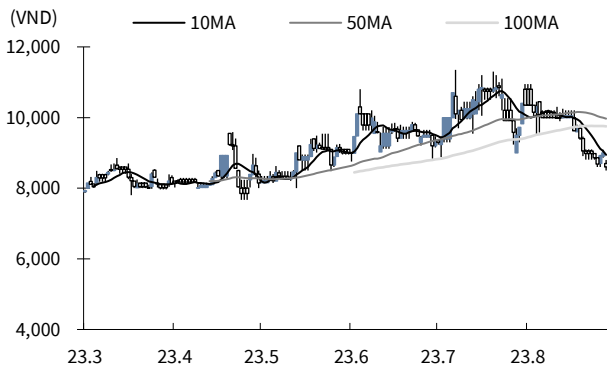
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

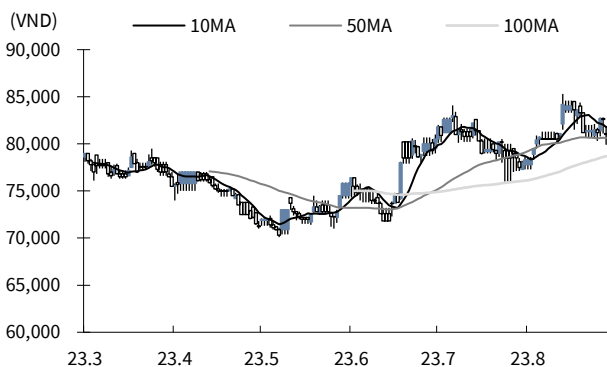
CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (HBC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HBC giảm 4.44% xuống 8,600VND/cp
- CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình vừa công bố báo cáo soát xét bán niên 2023 với mức lỗ sau thuế 713 tỷ đồng, trong khi báo cáo tự lập lãi 101 tỷ. Sự thay đổi trên báo cáo soát xét chủ yếu đến từ doanh thu hoạt động tài chính (giảm 73 tỷ), chi phí quản lý doanh nghiệp (tăng 92 tỷ) và khoản mục lợi nhuận khác (giảm 652 tỷ) so với báo cáo tự lập.

CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PNJ giảm 1.94% xuống 81,000VND/cp
- CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận vừa công bố kết quả kinh doanh tháng 8/2023 với doanh thu thuần đạt 2,303 tỷ đồng (-1.1% YoY) và lợi nhuận sau thuế là 76 tỷ đồng (-3.7% YoY). Lũy kế 8 tháng đầu năm, công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt 21,126 tỷ đồng (-8,3% YoY) và lợi nhuận sau thuế đạt 1,247 tỷ đồng, tương đương cùng kỳ. Với kết quả này, công ty đã thực hiện được 59% kế hoạch doanh thu và 64% mục tiêu lợi nhuận năm.

22/09/2023

 Chuyên viên phân tích Vũ Thu Uyên
 uyenvt@kbsec.com.vn

LNTT 2Q2023 tăng 12.8% YoY - đúng đầu toàn ngành

Tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 17,470 tỷ đồng (+9.4% YoY) được đóng góp chủ yếu bởi thu nhập lãi thuần (+9.6% YoY). Chi phí dự phòng giảm 7% YoY, chi phí hoạt động giảm nhẹ 2.7% YoY. Theo đó, LNTT của VCB đạt 7,428 tỷ đồng (+25% YoY), hoàn thành 48% kế hoạch năm 2023 và đúng đầu toàn ngành.

Chất lượng tài sản dẫn đầu toàn ngành, bộ đệm dự phòng vững chắc

Tỷ lệ nợ xấu đi ngược với xu hướng toàn ngành khi giảm xuống còn 0.83%, tỷ lệ bao phủ nợ xấu hiện đang ở mức cao nhất ngành (386%) khi ngân hàng duy trì mức trích lập cao trong Q2, điều này sẽ cho phép VCB linh hoạt trong việc giảm dự phòng và hỗ trợ lợi nhuận trong nửa cuối năm.

NIM kỳ vọng được duy trì ổn định trong những quý tới

NIM sẽ được duy trì ổn định trong những quý tới khi tăng trưởng huy động ở mức khá và chi phí vốn (COF) dự báo sẽ bắt đầu giảm trong quý 3 chủ yếu do các khoản huy động giai đoạn 4Q2022 kì hạn 6 tháng đáo hạn cùng với lãi suất huy động thị trường 1&2 giảm trong 2Q2023.

Tăng trưởng tín dụng kỳ vọng phục hồi vào cuối năm 2023 và trong năm 2024

Điều chỉnh giảm dự phóng tăng trưởng tín dụng của VCB xuống còn 10.3% phản ánh nhu cầu tín dụng yếu. Dù vậy đây vẫn là mức tăng trưởng khá cao so với nửa đầu năm do chúng tôi kỳ vọng ngân hàng sẽ đẩy mạnh giải ngân vào thời gian tới nhờ sự hỗ trợ của TT06/23 và kỳ vọng phục hồi của nền kinh tế.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 101,400VND/cp

Sử dụng 2 phương pháp định giá P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư, chúng tôi đưa ra mức giá mục tiêu cho năm 2023 của cổ phiếu VCB là 101,400 VND/cp, cao hơn 16.6% so với giá tại ngày 21/09/2023. Khuyến nghị MUA với cổ phiếu VCB.

MUA Thay đổi

Giá mục tiêu	VND 101,400
Tăng/giảm	16.6%
Giá hiện tại (21/09/2023)	87,000
Giá mục tiêu đồng thuận	99,900
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/tỷ USD)	486,251/20.04

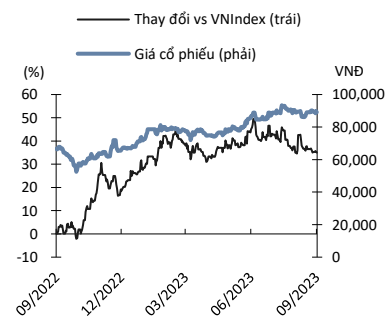
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	25.2%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/tỷ USD)	107.64
Sở hữu nước ngoài (%)	23.5%
Cổ đông lớn	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (63.3%)

Biến động giá cổ phiếu (%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-1.4	2.7	15.0	34.4
Tương đối	-1.9	-6.9	-2.2	34.6

Dự phóng KQKD & định giá

(tỷ VND)	2021	2022	2023F	2024F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	42,400	53,246	60,912	68,381
LN trước CF DPRRTD (tỷ VND)	39,149	46,832	54,036	60,413
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	21,939	29,919	36,760	42,531
EPS (đồng/cổ phiếu)	5,910	6,318	6,573	7,605
Tăng trưởng EPS (%YoY)	19%	7%	4%	16%
PER (x)	17.9	15.1	14.1	13.6
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	29,421	28,663	30,201	37,207
PBR (x)	3.0	3.1	3.8	3.5
ROE (%)	21.6%	24.4%	24.1%	22.6%
Tỷ suất cổ tức (%)	1.36%	-	1.46%	1.46%

Nguồn: KBSV ước tính



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP Phú Tài (PTB)

Xuất khẩu hồi phục trong 2H2023

22/09/2023

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Dương Nguyên
nguyenn1@kbsec.com.vn

Doanh thu và LNST cổ đông công ty mẹ đạt lần lượt 1,474 tỉ VND (-22% YoY) và 106 tỉ VND (-32% YoY)

Doanh thu 2Q2023 được hỗ trợ nhờ doanh thu mảng khai thác và sản xuất đá nhân tạo, đạt 489 tỉ VND (+26% QoQ), trong khi đó doanh thu mảng gỗ nội thất đạt 732 tỉ VND (-1% QoQ) khi nhu cầu tiêu thụ tại Mỹ vẫn ở mức thấp. Biên lãi gộp cấp công ty trong 2Q2023 đạt 22% (+200 bps QoQ, -300 bps YoY), LNST cổ đông công ty mẹ đạt 106 tỉ VND (tương ứng với 7%, tăng 300 bps QoQ)

Kỳ vọng doanh thu mảng đá và gỗ nội thất phục trong 2H2023 khi nhu cầu tiêu thụ tại Mỹ khôi phục

Chúng tôi cho rằng KQKD mảng đá nhân tạo và gỗ nội thất của PTB sẽ hồi phục tốt hơn trong 2H2023 nhờ (1) số lượng giao dịch nhà ở và xây dựng mới quay trở lại tăng trong T7/2023 sẽ tạo động lực tiêu thụ cho các sản phẩm đá thạch anh, đá lát và gỗ nội thất, (2) tồn kho của các nhà phân phối nội thất đã giảm 5 tháng liên tiếp từ T2/2023 và nhu cầu tiêu thụ lớn cho giai đoạn cuối năm sẽ thúc đẩy các nhà bán lẻ gia tăng nhập hàng. Đồng thời, diễn biến thuận lợi của tỉ giá USD/VND cũng sẽ giúp PTB gia tăng lợi nhuận kênh xuất khẩu

Doanh thu từ Phú Tài Residence được chuyển sang ghi nhận trong năm 2024

Tới cuối 2Q2023, giá trị hàng tồn kho của dự án Phú Tài Residence đạt 235 tỉ VND, tương ứng với doanh thu còn lại là 530 tỉ VND, chúng tôi kỳ vọng phần lớn doanh thu này sẽ được ghi nhận trong 2024. Bên cạnh đó, dự án Phú Tài Central Life (đã hoàn thiện phần móng, đang xây hầm) cũng sẽ được mở bán từ 2Q2024

Khuyến nghị **NẮM GIỮ** với cổ phiếu PTB, giá mục tiêu 67,300 VND/cổ phiếu

Chúng tôi xác định giá trị hợp lý của PTB đạt 67,300 VND/cổ phiếu và khuyến nghị **NẮM GIỮ** với PTB

NẮM GIỮ duy trì

Giá mục tiêu	VND 67,300
Tăng/giảm	12%
Giá hiện tại (21/09/2023)	VND 60,200
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 65,000
Vốn hóa (nghìn tỉ VND/tỉ USD)	0.39/0.16

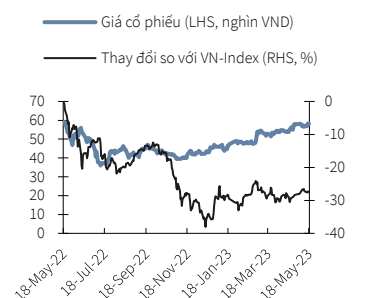
Dữ liệu giao dịch	
Tỉ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng (%)	60%
GTGD TB 3 tháng (tỉ VND/triệu USD)	36.69/1.49
Sở hữu nước ngoài (%)	19.03%
Lê Vỹ (%)	13.25%
Lê Văn Thảo (%)	8.70%

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	8	21	46	-3
Tương đối	5	13	31	-2

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VND)	6,492	6,887	6,321	7,409
Lãi/lỗ từ HĐKD (tỷ VND)	638	619	464	781
Lợi nhuận của CD công ty mẹ (tỷ VND)	512	487	378	625
EPS (VND)	10,532	7,162	5,649	9,332
Tăng trưởng EPS (%)	43%	-32%	-21%	65%
P/E (x)	6.3	5.6	8.4	5.1
P/B (x)	1.4	1.0	1.1	0.9
ROE (%)	23%	19%	13%	19%
Tỉ suất cổ tức (%)	21%	5%	5%	5%

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap đầu phiên, VNIndex tiếp tục lao dốc trong phiên trước khi hồi phục và lấy lại một phần điểm số đã mất về cuối phiên.
- Áp lực bán mạnh kể từ đầu phiên đã khiến cho chỉ số xuyên thủng ngưỡng hỗ gần quanh 121x, hiện đã đảo vai trò là ngưỡng cản đáng lưu ý, và khiến cho trạng thái thị trường trở nên tiêu cực hơn. Mặc dù ngưỡng hỗ xa quanh 117x, đã cho phản ứng và giúp VNIndex tránh được nhịp giảm sâu, rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh trong các phiên kế tiếp vẫn đang có phần chiếm ưu thế.
- NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trading đã mở trong các nhịp hồi sớm.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1210 – 1212

Kháng cự gần: 1197 – 1200

Hỗ trợ gần: 1175 – 1180

Hỗ trợ xa: 1160 – 1165

— Sau nhịp mở gap đầu phiên, F1 tiếp tục lao dốc trong phiên trước khi hồi phục và lấy lại một phần điểm số đã mất về cuối phiên.

— Áp lực bán mạnh kể từ đầu phiên đã khiến cho chỉ số xuyên thủng ngưỡng hỗ gần quanh 120x, hiện đã đảo vai trò là ngưỡng cản đáng lưu ý, và khiến cho trạng thái thị trường trở nên tiêu cực hơn. Mặc dù ngưỡng hỗ trợ xa quanh 117x, đã cho phản ứng và giúp F1 tránh được nhịp giảm sâu, rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh trong các phiên kế tiếp vẫn đang có phần chiếm ưu thế.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở SHORT quanh các ngưỡng kháng cự.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở SHORT quanh các ngưỡng kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

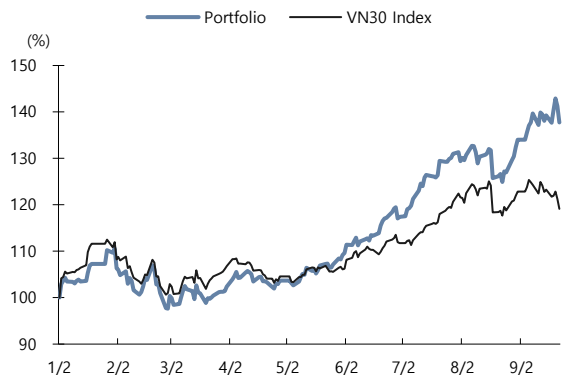
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.76%	-2.46%
Tăng lũy kế (YTD)	19.15%	37.76%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 22/09/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Marinetime Bank (MSB)	05/09/2023	14,400	-3.0%	-3.4%	- NIM lũy kế 4 quý đạt 4,26%, ổn định ở mức cao nhờ lợi thế về CASA và lãi suất cho vay - Tổng tín dụng tăng trưởng 13.2% YTD, outperform so với mức tăng của ngành là 2.06% - Kỳ vọng tăng trưởng tín dụng trong 2023 đạt 17-20%
PC1 Group (PC1)	01/08/2023	30,700	-5.2%	10.0%	- Mảng EPC và SXCN trong 2H2023 sẽ được cải thiện khi Quy hoạch điện VIII được phê duyệt - Đóng góp mới từ mỏ Niken và KCN sẽ bù đắp lợi nhuận giảm từ các mảng còn lại
FPT Corp (FPT)	31/12/2019	96,700	-0.1%	202.7%	- KQKD tích cực trong 7T, việc đạt mục tiêu tăng trưởng 18% - 20% trong năm 2023 là khả thi - Hưởng lợi từ xu hướng chuyển đổi số, cũng như tăng trưởng mảng công nghệ ở Mỹ, Nhật - Mảng giáo dục đầu tư duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định
PV Drilling (PVD)	01/08/2023	25,450	-4.0%	-0.2%	- Nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong khi nguồn cung thắt chặt - Kỳ vọng cải thiện giá cước giàn JU - Kỳ vọng thị trường E&P nội địa sôi động hơn từ 2024
Dabaco (DBC)	05/09/2023	23,800	-5.2%	-4.2%	- Giá thịt heo tiếp tục hồi phục về quanh 65-68,000 đồng/kg trong nửa cuối năm - Giá nguyên liệu đầu vào thường có xu hướng giảm trong El Nino giúp biên LNG cải thiện - Kỳ vọng ghi nhận khoản lợi nhuận 150 tỷ đồng từ dự án Parkview
TNG Inv. & Trading (TNG)	05/09/2023	22,100	-0.9%	9.4%	- Đạt KQKD tích cực 7 tháng đầu năm, kỳ vọng tăng trưởng 18% - 20% trong năm 2023 - Hưởng lợi từ tăng trưởng mảng công nghệ ở các thị trường chủ lực (Mỹ, Nhật) - Mảng giáo dục đầu tư duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định
Hai An Transport (HAH)	05/09/2023	38,200	-3.7%	6.9%	- Đà giảm giá cước vận tải ki vọng sẽ chậm lại và doanh thu từ đội tàu tiếp tục duy trì - Dự thảo đề xuất điều chỉnh giá sản dịch vụ bốc dỡ tại cảng tăng 10% - HAH đang đầu tư đóng mới 3 tàu với tổng vốn đầu tư dự kiến lên đến 2,000 tỷ VND
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	31/12/2019	81,000	-1.9%	25.6%	- KQKD sẽ hồi phục nhờ: (1) mùa cao điểm cưới, ngày lễ; và (2) sức mua hồi phục - Biên LN góp cải thiện nhờ thay đổi cơ cấu hàng hoá và tăng hiệu quả quản trị HTK - Định giá về vùng hợp lý, giá đã phản ánh kỳ vọng KQKD giảm tốc của mùa thấp điểm
Binh Son Refinery (BSR)	01/08/2023	20,900	-2.3%	7.7%	- Mức crack spread trên thế giới có thể được cải thiện khi TQ và Mỹ bước vào mùa cao điểm - Kế hoạch hoãn bảo dưỡng nhà máy giúp doanh thu và LNST tăng mạnh - STB có đủ dự địa lợi nhuận để trích lập cho trái phiếu VAMC như kế hoạch đề ra.
Sacombank (STB)	01/08/2023	32,900	1.7%	13.6%	- STB hưởng lợi từ (1) Các động thái giảm lsdh; (2) Thanh khoản được cải thiện - STB nằm trong nhóm có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất và nợ nhóm 2 giảm trong 1Q2023 - STB có đủ dự địa lợi nhuận để thực hiện trích lập cho trái phiếu VAMC như kế hoạch đề ra.

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VNM	-0.6%	55.1%	103.5
VCB	2.6%	23.5%	49.1
KBC	-4.8%	20.6%	34.3
SSI	-6.2%	43.6%	26.3
BID	1.9%	17.2%	24.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VIC	-4.2%	12.9%	-128.2
MSN	-4.3%	29.8%	-44.6
FUESSVFL	-1.5%	95.2%	-38.4
MWG	-3.9%	48.4%	-32.6
PVT	0.7%	12.7%	-28.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TNG	-0.9%	19.9%	3.7
CEO	-7.7%	4.5%	3.5
PVS	-2.9%	20.3%	2.7
SLS	-1.1%	0.5%	0.8
MST	-1.9%	0.3%	0.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVI	-1.0%	59.6%	-1.7
NVB	-2.8%	7.7%	-1.4
IDC	-2.6%	1.2%	-0.5
VIG	-9.5%	1.2%	-0.4
IDJ	-4.1%	0.7%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ gia dụng	4.9%	TTF, GDT, EVE, SAV
Hóa chất	2.6%	GVR, DGC, DPM, DCM
Máy móc	1.1%	TCH, HHS, SRF, SHA
Giấy & lâm sản	0.9%	DHC, HAP, HHP, VID
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	0.6%	PNJ, TCM, MSH, GIL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Chứng khoán	-7.8%	SSI, VND, HCM, VCI
Đồ uống	-5.0%	SAB, BHN, SMB, SCD
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-4.7%	MWG, FRT, CTF, HAX
Vật liệu xây dựng	-4.5%	HT1, PTB, GAB, ACC
Quản lý & phát triển bất động sản	-4.2%	VHM, VIC, NVL, BCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	20.9%	GVR, DGC, DPM, DCM
Chứng khoán	13.9%	SSI, VND, HCM, VCI
Công nghệ	12.2%	FPT, CMG, ELC
Máy móc	12.1%	TCH, HHS, SRF, SHA
Sản phẩm xây dựng	11.6%	VGC, BMP, SHI, DAG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Quản lý & phát triển bất động sản	-12.5%	VHM, VIC, NVL, BCM
Tiện ích điện	-6.3%	PGV, NT2, PPC, TTA
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-3.1%	AST, VNG, DSN, DAH
Bảo hiểm	-2.2%	BVH, MIG, BIC, BMI
Sản xuất điện	-1.4%	POW, VSH, GEG, TMP

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	1,037,636 (43.0)	22.5	56.2	63.3	14.7	3.0	2.5	1.7	1.6	-4.2	-6.7	-22.5	-7.1
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	395,285 (16.4)	26.6	5.9	5.4	35.9	21.3	19.4	1.2	1.0	-4.4	-5.0	-13.5	0.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	138,386 (5.7)	17.8	14.9	14.0	-7.6	11.8	11.5	1.7	1.6	-2.7	-3.5	-6.5	4.2
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	925,918 (38.4)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	0.9	0.9	-4.4	-7.9	-5.9	24.3
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	56,334 (2.3)	11.6	25.4	22.9	13.7	8.2	8.2	1.8	1.7	-5.2	-4.6	-3.1	24.5
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	523,033 (21.7)	13.9	38.6	40.7	-	3.7	3.4	1.3	1.3	-7.0	-5.0	8.6	62.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	132,201 (5.5)	6.3	15.1	12.7	11.7	22.7	21.3	2.9	2.3	2.6	-0.6	1.0	31.8
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	57,934 (2.4)	12.7	11.6	9.3	-5.3	19.6	19.8	2.0	1.7	1.9	-1.6	0.5	19.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	198,507 (8.2)	0.0	6.5	5.1	14.3	15.1	16.5	0.9	0.8	-0.9	-2.6	2.7	31.5
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	208,564 (8.6)	1.4	8.7	7.2	50.3	16.8	17.6	1.2	1.0	-0.2	-3.4	0.3	16.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	388,762 (16.1)	0.0	10.3	8.0	18.8	11.7	12.5	1.2	1.1	-1.8	-5.8	3.2	18.7
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	234,989 (9.7)	0.0	4.8	4.1	14.6	22.5	22.7	1.1	0.9	-1.3	-3.6	2.7	25.8
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	101,418 (4.2)	4.2	6.1	4.1	23.3	19.8	24.5	1.1	0.9	0.0	-2.5	7.0	26.5
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	733,045 (30.4)	14.0	8.3	5.4	26.5	18.8	23.5	1.3	1.1	1.7	1.2	2.3	46.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	165,046 (6.8)	0.0	7.0	5.8	37.4	19.6	19.7	1.1	0.9	-2.6	-3.4	0.0	22.7
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	195,838 (8.1)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.6	-8.9	-1.8	-0.7
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	30,533 (1.3)	21.0	17.1	16.2	15.8	9.3	9.4	1.5	1.5	-1.7	-2.9	-4.0	-6.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	5,546 (0.2)	14.2	-	-	9.1	13.4	-	-	-	-0.7	-4.9	-4.3	25.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	1,037,434 (43.0)	55.4	27.5	22.3	-3.2	8.1	9.7	2.2	2.2	-6.2	-8.2	6.2	84.2
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	249,960 (10.4)	71.9	27.7	20.6	-4.0	10.5	13.6	2.9	2.7	-6.8	-8.2	3.1	88.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	277,039 (11.5)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-6.9	-7.5	9.1	59.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	721,475 (29.9)	27.2	23.5	17.5	36.3	7.9	10.2	1.8	1.7	-6.8	-6.0	7.4	67.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	266,772 (11.1)	42.1	18.9	16.1	4.0	28.8	31.5	5.4	5.5	-0.6	-2.5	6.6	1.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	59,906 (2.5)	36.9	21.8	19.5	7.3	19.4	19.7	4.0	3.5	-1.8	-5.4	4.8	-5.8
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	146,006 (6.1)	16.5	54.2	30.7	-51.9	9.6	12.0	5.2	4.3	-4.3	-5.4	-3.0	-18.9
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	13,679 (0.6)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-3.0	-2.8	-4.7	-7.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	94,281 (3.9)	11.0	55.9	25.7	-88.5	6.4	13.2	3.3	2.8	-1.7	-2.1	0.3	-10.9
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	111,737 (4.6)	10.8	11.1	17.4	-57.0	30.4	12.6	2.2	2.0	-1.5	0.0	18.5	41.0
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	267,721 (11.1)	38.4	16.9	13.8	65.7	2.4	3.8	1.0	1.0	-5.8	-9.4	3.4	63.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	633,173 (26.2)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-6.9	-10.0	3.3	78.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	64,436 (2.7)	3.6	24.1	20.7	-52.4	2.1	1.8	0.6	0.7	-3.1	1.3	16.9	107.9
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	45,200 (1.9)	0.0	9.6	8.4	-4.5	14.7	15.2	1.3	1.2	-3.1	0.8	3.9	2.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	63,106 (2.6)	46.1	17.0	16.5	-17.5	18.9	16.6	3.2	2.9	2.4	-0.5	8.8	7.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	23,887 (1.0)	31.4	12.3	9.9	-10.5	13.4	16.4	1.6	1.6	-1.9	-1.9	-5.8	-9.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,874 (0.1)	34.1	16.5	9.3	-5.1	5.9	10.3	0.9	0.9	-1.7	-3.1	4.0	12.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	839,040 (34.8)	18.0	20.6	12.3	21.9	7.4	12.0	1.6	1.4	-3.9	-1.1	4.4	51.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	165,997 (6.9)	36.5	11.1	8.3	-0.5	9.9	13.6	1.1	1.1	-3.4	-4.3	3.0	-12.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	173,528 (7.2)	46.5	13.3	8.5	-4.5	12.0	17.6	1.5	1.4	-3.2	-0.1	3.9	27.2
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	299,299 (12.4)	38.9	-	22.4	67.9	1.3	6.0	1.2	1.2	-6.9	0.7	17.1	92.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	69,783 (2.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-1.9	0.0	-3.7	50.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	42,800 (1.8)	4.6	17.4	14.6	-51.0	12.6	12.4	1.9	1.8	-1.6	-2.5	3.8	23.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	118,841 (4.9)	39.9	37.1	21.5	-11.9	4.4	7.3	1.0	1.0	-4.0	-6.4	6.0	42.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	117,059 (4.8)	35.9	9.9	9.4	2.2	15.0	14.2	1.4	1.2	0.7	8.8	29.5	28.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	423,042 (17.5)	0.0	62.2	17.9	14.4	2.8	17.0	3.2	2.8	-3.9	-6.8	4.2	21.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	52,834 (2.2)	0.0	15.0	12.9	2.4	20.3	21.1	2.9	2.5	-1.9	-0.5	3.2	-9.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	898 (0.0)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-2.3	-2.7	3.2	43.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	86,675 (3.6)	30.3	-	24.7	-75.2	0.6	18.5	5.6	4.6	0.6	3.5	19.0	48.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	24,118 (1.0)	34.6	14.1	17.5	41.2	15.2	12.2	2.0	2.0	-3.2	2.6	6.5	29.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	4,089 (0.2)	45.4	13.6	12.8	10.7	25.4	23.8	3.2	2.7	-0.7	-0.1	3.4	38.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	274,909 (11.4)	0.0	20.4	16.5	15.5	27.2	28.7	6.3	5.3	-0.1	-0.8	11.8	44.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

